TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Bản án số: **167**/2022/DSST Ngày: 26/9/2022 *V/v*: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông

Bà Lê Kim Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2021/TLST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST - DS ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 92/2022/QĐST - DS ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; Trụ sở: X, Y, Z.

Người đại diên theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Vân A – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 6 Ngân hàng X – chi nhánh Y) (Theo Giấy ủy quyền số 209 ngày 11/12/2020). (Bà Đoàn Thị Vân A có mặt)

- Bị đơn: Bà Hoàng Mai Tr, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990; cùng HKTT: A, B, C. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A có ký kết với Ngân hàng X – Chi nhánh Y - Phòng giao dịch số 6 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng X) các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018

+ Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 03/12/2018

+ Mục đích vay: Bù đắp 1 phần tài chính thanh toán tiền mua ô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Huyndai.

+ Lãi suất cho vay: 9.5%/năm.

+ Ngày giải ngân: 03/12/2018.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại: H100, BKS: 29C-218.94, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: xanh, số máy D4BHB017548, số khung: X7HABU764969, số chỗ ngồi: 03 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 521979 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/2018, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2013 cho ông Nguyễn Tuấn A. Hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 186019, quyển số: 61/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt, thành phố Hà Nội ngày 29/11/2018, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hà Nội ngày 29/11/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019

+ Số tiền cho vay: 900.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 31/01/2019

+ Mục đích vay: Bù đắp 1 phần tài chính sửa chữa căn hộ P503 tòa nhà CC4 chung cư New Space Giang Biên, Long Biên, Hà Nội.

+ Lãi suất cho vay: 9.5%/năm.

+ Ngày giải ngân: 31/01/2019

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: 02 chiếc xe ô tô

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Ranger, BKS: 29C-967.84, loại xe: tải pickup cabin kép, màu sơn: trắng, số máy P4AT2454696, số khung: FF80HW734711, số chỗ ngồi: 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 333227 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2017 cho ông Nguyễn Tuấn A.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại: 3, BKS: 30E-242.43, loại xe: Ô tô con, màu sơn: xanh, số máy P520382996, số khung: 4AA6GC041986, số chỗ ngồi: 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 298077 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn Tuấn A.

Hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 190678, quyển số: 07/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt, thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà bị đơn đã thanh toán được một phần nợ gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018:

+ Nợ gốc đã trả: 56.160.000 đồng;

+ Lãi đã trả: 24.916.250 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019:

+ Nợ gốc đã trả: 89.170.000 đồng;

+ Lãi đã trả: 65.036.283 đồng

Kể từ ngày 10/5/2020 đối với Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018 và kể từ ngày 20/11/2019 đối với Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 14/11/2019, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà Tr và ông Tuấn A thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng bà Tr và ông Tuấn A vẫn không thực hiện.

Theo chính sách chung của Ngân hàng X, hiện nay Ngân hàng chỉ áp dụng tính lãi trường hợp này với mức lãi suất 4.86% trên tổng dư nợ gốc tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, tính đến hết ngày 26/9/2022, bị đơn còn nợ Ngân hàng:

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018:

+ Nợ gốc: 143.390.000 đồng

+ Nợ lãi: 16.888.358 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019:

+ Nợ gốc: 810.830.000 đồng

+ Nợ lãi: 114.938.733 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến hết ngày 26/9/2022 là: 1.086.047.091 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 954.220.000 đồng và nợ lãi là: 131.827.091 đồng.

Bà Tr và ông Tuấn A tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/9/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Tr và ông Tuấn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

* Bị đơn – bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A vắng mặt tại Tòa án, không có tự khai, Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bà Tr và ông Tuấn A.

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A có ký kết với Ngân hàng X – Chi nhánh Y - Phòng giao dịch số 6 các Hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018; Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 186019, quyển số: 61/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt, thành phố Hà Nội ngày 29/11/2018 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hà Nội ngày 29/11/2018); Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 190678, quyển số: 07/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt, thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019 (đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X buộc bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 26/9/2022 là: 1.086.047.091 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 954.220.000 đồng và nợ lãi là: 131.827.091 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A không trả được khoản nợ cho Ngân hàng X, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm toàn bộ tài sản bảo đảm là 03 chiếc xe ô tô: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại: H100, BKS: 29C-218.94; 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Ranger, BKS: 29C-967.84; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại: 3, BKS: 30E-242.43 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 186019, quyển số: 61/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt, thành phố Hà Nội ngày 29/11/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 190678, quyển số: 07/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019 để thu hồi nợ.

Về án phí: Bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A cùng đăn ký hộ khẩu thường trú tại: A, B, C. Đây cũng là địa chỉ của bị đơn thể hiện trên Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa hai bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền.

Kết quả xác minh tại Công an phường A ngày 04/3/2022 thể hiện: Bà Hoàng Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1 phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội nhưng hiện không sinh sống tại địa phương, ông Tuấn A và bà Tr sinh sống tại đâu, địa phương không nắm được.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở cuối cùng của bị đơn. Việc bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Toà án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết; bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng X và vợ chồng bà Tr, ông Tuấn A có ký kết 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018 và Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019. Các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có

mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi là Quyết định 1627); Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng nên có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng X đã giải đầy đủ số tiền gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà Tr, ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông Tuấn A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, khoản 2 Điều 13 và Điều 25 Quyết định 1627; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Hội đồng xét xử xác định bà Hoàng Mai Tr và anh Nguyễn Anh Tuấn đã thanh toán cho Ngân hàng X số tiền là:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018:

+ Nợ gốc đã trả: 56.160.000 đồng;

+ Nợ lãi đã trả: 24.916.250 đồng

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019:

+ Nợ gốc đã trả: 89.170.000 đồng;

+ Nợ lãi đã trả: 65.036.283 đồng

Tạm tính đến hết ngày 26/9/2022, bà Tr, ông Tuấn còn nợ Ngân hàng X số tiền nợ gốc và nợ lãi cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018:

+ Nợ gốc chưa trả: 143.390.000 đồng

+ Nợ Lãi chưa trả: 16.888.358 đồng

- Theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019:

+ Nợ gốc chưa trả: 810.830.000 đồng

+ Nợ lãi chưa trả: 114.938.733 đồng

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 03 chiếc xe ô tô:

Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ cả 03 chiếc xe ô tô (đăng ký xe đều tên ông Nguyễn Tuấn A):

+ Đối với chiếc 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại: H100, BKS:

29C-218.94: Theo cung cấp của Công an quận Long Biên cho Tòa án: Chiếc xe hiện đang lưu giữ tại Kho tập lái xe ô tô Hàng Không – do ông Nguyễn Tuấn A có hành vi làm giả giấy tờ xe mang đi cầm đồ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vụ án đang tạm đình chỉ do Tuấn A bỏ trốn. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp chiếc xe này đang là tang vật trong vụ án hình sự cũng không làm mất quyền lợi của bên nhận thế chấp là Ngân hàng X. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, Ngân hàng X có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe này theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 02 chiếc xe ô tô: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Ranger, BKS: 29C-967.84 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại: 3, BKS: 30E-242.43, sau khi ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, ông Tuấn A quản lý sử dụng:

Tòa án đã hai lần triệu tập bị đơn mang xe ô tô đến xem xét xét thẩm định tại chỗ nhưng bị đơn vắng mặt; do đó, không có tài sản thế chấp để xem xét thẩm định tại chỗ. Do bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử, nguyên đơn không biết hiện xe ô tô ở đâu, không có thông tin hay khiếu nại về việc xe ô tô đã chuyển giao cho người thứ ba, bản chính đăng ký xe nguyên đơn đang giữ, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, nguyên đơn cũng đã gửi văn bản đến Phòng Cảnh sát giao thông vận tải – Công an thành phố Hà Nội đề nghị phối hợp Ngân hàng trong việc thu giữ tài sản bảo đảm.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 298, Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012) nên cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại: H100, BKS: 29C-218.94 để thu hồi nợ. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Ranger, BKS: 29C-967.84 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại: 3, BKS: 30E-242.43 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí: Bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 40; Điều 298, Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012).

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012).

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QD-NHNN ngày 03/02/2005;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A.

2. Buộc bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán trả cho Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018 và Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019 tạm tính đến hết ngày 26/9/2022 cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018:

+ Nợ gốc phải thanh toán: 143.390.000 đồng

+ Nợ lãi phải thanh toán: 16.888.358 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019

+ Nợ gốc phải thanh toán: 810.830.000 đồng

+ Nợ lãi phải thanh toán: 114.938.733 đồng

Tổng cộng cả gốc và lãi bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tạm tính đến hết ngày 26/9/2022 là: 1.086.047.091 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 954.220.000 đồng và nợ lãi là: 131.827.091 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

3. Trong trường hợp bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201801818 ngày 03/12/2018, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại: H100, BKS: 29C-218.94; loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: xanh, số máy D4BHB017548, số khung: X7HABU764969, số chỗ ngồi: 03 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 521979 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/2018, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2013 cho ông Nguyễn Tuấn A (đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 186019, quyển số: 61/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt – thành phố Hà Nội P Hà Nội ngày 29/11/2018) để thu hồi nợ.

Trong trường hợp bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-201900206 ngày 31/01/2019, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Ranger, BKS: 29C-967.84 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 333227 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2017 cho ông Nguyễn Tuấn A và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại: 3, BKS: 30E-242.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số

298077 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/9/2016 cho ông Nguyễn Tuấn A) (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 190678, quyển số: 07/HĐTC tại Văn phòng công chứng Việt thành phố Hà Nội ngày 30/01/2019) để thu hồi nợ.

4. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 44.581.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng X số tiền 23.090.632 đồng (hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0064789 ngày 05/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm.

Ngân hàng X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị Mai Tr và ông Nguyễn Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *THADS quận Long Biên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; VP.*